

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
C - Đ
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST

Ngày 10/02/2026

V/v tranh chấp về Hôn nhân
và gia đình ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN C - Đ**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê M

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị K

2. Ông Trần Văn L

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Dương Hoàng X, Thư ký Tòa án nhân dân C - Đ .

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại Tòa án nhân dân C - Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số 211/2025/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2025, về “Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Ngọc Diễm T**, sinh ngày 15/8/1990

Căn cước công dân số 091190016644, cấp ngày 22/11/2021.

Địa chỉ: Số 52, đường Tôn Thất Tùng, khóm 4, xã C, tỉnh Đ .

- *Bị đơn:* **Trần Trung Q**, sinh ngày 10/8/1989

Căn cước công dân số: 087089003331, cấp ngày 16/9/2022.

Địa chỉ: Tổ 11, khóm 15, phường M, tỉnh Đ .

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm T có mặt. Ông Trần Trung Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm T và ông Trần Trung Q kết hôn năm 2009, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61/2019 ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Đ nay là phường M, tỉnh Đ . Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn hay có lời qua tiếng lại, làm cho không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Năm 2017, vợ chồng đã gây đổ một lần, đến năm 2018 thì vợ chồng có hàn gắn lại để tiếp tục chung sống và lo cho các con. Nhưng do ông Q vẫn chứng nào tật nấy, thường xuyên bỏ mặc gia đình ra ngoài chơi bời, không quan tâm, yêu thương, chăm sóc vợ con, mặc cho vợ con tự bưng chãi sinh sống. Mỗi lần vợ chồng cãi nhau thì ông Q thường dùng những lời lẽ thô tục để mắng chửi, lăng mạ vợ con và gia đình bên vợ. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân hơn 03 tháng nay, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh

phúc hôn nhân không đạt được. Nay bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm T yêu cầu ly hôn với ông Trần Trung Q.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Đăng L, sinh ngày 20/6/2013; Trần Đăng T, sinh ngày 26/12/2019; Trần Khánh Q, sinh ngày 30/01/2023. Ba con chung đang sống cùng với bà T. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung. Bà T không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Trần Trung Q: Không có văn bản ý kiến nộp cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Do ông Trần Trung Q vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm T tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ngày 01/7/2025, Tòa án nhân dân C - Đ được thành lập. Căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định về phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Do đó, Tòa án nhân dân C - Đ tiếp tục giải quyết vụ án nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm T và ông Trần Trung Q kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61/2019 ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Đ nay là phường M, tỉnh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không quan tâm, yêu thương, chăm sóc vợ con, mặc cho vợ con, vợ chồng đã sống ly thân hơn 03 tháng nay, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được.

Đối với ông Trần Trung Q: Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông Trần Trung Q không có văn bản ý kiến nộp (gửi) cho Tòa án, không tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và dự phiên tòa xét xử. Thể hiện ông Trần Trung Q không muốn đoàn tụ vợ chồng, không phản đối yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm T. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm T yêu cầu ly hôn với ông Trần Trung Q phù hợp theo quy định tại khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm T trình bày, vợ chồng có 03 con chung là Trần Đăng L, sinh ngày 20/6/2013; Trần Đăng T, sinh ngày 26/12/2019; Trần Khánh Q, sinh ngày 30/01/2023. Ba con chung đang sống cùng với bà T. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung. Ông Trần Trung Q không có ý kiến về nuôi con chung. Xét thấy, ba con chung sống chung với bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm T. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, điều kiện phát triển về thể chất, tinh thần của các con chung. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng ba con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm T không yêu cầu ông Trần Trung Q cấp dưỡng nuôi ba con chung. Ông Trần Trung Q không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm T trình bày không có. Ông Trần Trung Q không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm T phải chịu án phí Hôn nhân & gia đình ly hôn sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông Trần Trung Q không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm T ly hôn với ông Trần Trung Q (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61/2019 ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Đ nay là phường M, tỉnh Đ).

Về con chung: Có ba con chung gồm: Trần Đăng L, sinh ngày 20/6/2013; Trần Đăng T, sinh ngày 26/12/2019; Trần Khánh Q, sinh ngày 30/01/2023. Ba con chung đang sống cùng với bà T. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng ba con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm T không yêu cầu ông Trần Trung Q cấp dưỡng nuôi ba con chung. Ông Trần Trung Q không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm T trình bày không có. Ông Trần Trung Q không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm T phải chịu án phí Hôn nhân & Gia đình ly hôn số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Tiền án phí trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu lệ phí, án phí Tòa án số 0010296, ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ .

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

